

Bản án số 19/2024/DS-ST
Ngày 22.5.2024
V/v tranh chấp nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

2. Ông Nguyễn Văn Cơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang H - sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị T - Sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ B, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy uỷ quyền ngày 10 tháng 5 năm 2024*), (*Có mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Như T1 - sinh năm 1989; nơi cư trú: 24 B, phường H, quận L, TP ., (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại Bản định chính khởi kiện bổ sung ngày 22 tháng 4 năm 2024, Bản tự khai ngày 23*

tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Nguyễn Quang H trình bày:

Vào năm 2019, ông cùng ông Nguyễn Như T1 và ông Nguyễn C góp chung tiền để mua đất tại Lô D B đường N nối dài trị giá 4.250.000.000 đồng (*Bốn tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*) và thống nhất để ông T1 đứng tên. Trong đó, phần ông góp 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), ông Nguyễn C góp 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*). Ông giao bằng tiền mặt cho ông T1 và ông T1 viết giấy tay nhận tiền (*Viết trong sổ có bìa màu đen*).

Sau khi mua xong một thời gian, ông T1 tự ý bán lô đất này, không bàn bạc với ông và ông C. Vì góp ít tiền nên ông đành phải chấp nhận. Sau đó, ông T1 nói với ông và ông C là ông T1 đã dùng số tiền này mua lại lô đất Bàu Mạc 6 với giá 2.850.000.000 đồng (*Hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng*) để chờ đất lên rồi bán thu hồi vốn. Sau khi hết dịch Covid-19, giá lô đất Bàu Mạc 6 tăng lên, ông nhiều lần thúc giục ông T1 bán để ông thu hồi vốn nhưng ông T1 hứa hẹn nhiều lần, thực chất lô đất này đã bị ông T1 bán lâu rồi. Ông đã nhiều lần liên lạc nhưng ông T1 tắt máy điện thoại và đi khỏi địa phương. Sau một thời gian, ông T1 trở về ở cùng nhà bố mẹ tại đường B. Qua tin nhắn Zalo, ông T1 hứa hẹn nhiều lần là bán đất của bố mẹ chia hoặc sau khi ly hôn sẽ trả lại tiền cho ông nhưng không thực hiện.

Do ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 trả số tiền 500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ông H đồng ý chỉ yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền 400.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

* Tại Đơn phản hồi ý kiến ngày 17 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Như T1 trình bày:

Vào năm 2019, ông Nguyễn Quang H có góp vốn với ông số tiền 500.000.000 đồng để mua lô đất 44 B đường N nối dài như ông H trình bày. Sau vài tháng giá đất giảm mạnh, ông và ông H thống nhất bán để cắt lỗ và ông H nhận về số tiền sau khi đã trừ tiền lỗ ra là 376.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng*). Sau đó, tôi và ông H bàn bạc và ông H đã đồng ý để số tiền 376.000.000 đồng này cho ông tiếp tục góp vốn để mua lô đất Bàu Mạc 6. Ông có nói với ông H khi nào ông H cần rút vốn thì báo trước 15 ngày, vì ông có hứa với ông H là nếu lời ông chia lời từng lô cho ông H, còn nếu lỗ thì ông vẫn chịu trách nhiệm về số tiền 376.000.000 đồng. Thời điểm đó, ông mua lô đất tại B. Sau một thời gian, giá đất vẫn tiếp tục giảm và công việc kinh doanh bất động sản của ông thua lỗ nặng dẫn đến phá sản và khi đó, ông H yêu cầu thu hồi vốn thì ông không còn khả năng hoàn trả, không còn tiền hay tài sản nào đứng tên. Tại thời điểm ông H yêu cầu thu hồi vốn thì số tiền ông phải trả lại là 400.000.000 đồng. Do ông còn

nợ nần rất nhiều, công việc không ổn định, thu nhập ít nên ông đồng ý trả cho ông H số tiền 400.000.000 đồng trong thời hạn 01 (Một) năm kể từ ngày hòa giải. Nếu ông H không đồng ý thời gian trả nợ trên thì ông chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền 376.000.000 đồng.

Tại phiên toà, ông T1 đồng ý trả cho ông H số tiền 400.000.000 đồng theo phương thức mỗi tháng trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn - ông Nguyễn Quang H yêu cầu ông Nguyễn Như T1 thanh toán số tiền 500.000.000 đồng. Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông T1 thanh toán số tiền 400.000.000 đồng. Xét việc thay đổi không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn được quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Quang H về việc yêu cầu ông Nguyễn Như T1 thanh toán số tiền 400.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, lời xác nhận của bị đơn - ông Nguyễn Như T1 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ông Nguyễn Quang H có góp số tiền 500.000.000 đồng cho ông Nguyễn Như T1 để nhận chuyển nhượng đất tại Lô D B đường N nối dài. Quá trình góp vốn, do giá đất xuống thấp nên ông T1 đã đồng ý trả lại ông H số tiền 400.000.000 đồng. Ông H đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T1 không thanh toán. Do ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại các điều 278 và 280 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang H, xử buộc ông T1 phải thanh toán cho ông H số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - ông Nguyễn Như T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 274, 275, 278 và 280 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 235, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang H đối với ông Nguyễn Như T1 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền”.

Xử: Buộc ông Nguyễn Như T1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Quang H số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) ông Nguyễn Như T1 phải chịu.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiếu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiếu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy